TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HS-ST
Ngày 10-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Dũng;

Bà Trần Thị Đẹp;

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trầm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Doãn N sinh năm 1987 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn x, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Doãn C và bà Trần Thị B; bị cáo có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27 tháng 3 năm 2023 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Doãn N:* Ông Nguyễn Duy P, là Luật sư Công ty Luật TNHH V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Bùi Văn Ch sinh năm 1975; nơi cư trú: số đường A, Trung tâm hành chính thành phố D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Đỗ Thanh H sinh năm 1990; nơi cư trú: số x đường N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. Ông Chu Thế Q sinh năm 1985; nơi cư trú: Chung cư A, khu phố B,

phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Trường Ph sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

2. Ông Trần Danh B sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1981; nơi cư trú: a, tổ x, khu phố y, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

4. Ông Lê Doãn C sinh năm 1961; nơi cư trú: thôn x, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Doãn N mở cơ sở kinh doanh M có địa chỉ tại khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương chuyên lắp đặt phụ kiện, nội thất ô tô và có cơ sở kinh doanh. Do làm ăn thua lỗ nên N đã ngừng hoạt động kinh doanh và nảy sinh ý định thuê xe ô tô của người khác đem cầm cố, bán lấy tiền tiêu xài.

Trong thời gian từ ngày 19 tháng 6 năm 2020 đến 30 tháng 7 năm 2020, N đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Do có mối quan hệ quen biết nhau từ trước nên vào tháng 5 năm 2020 (không rõ ngày), N đến nhà ông Bùi Văn Ch tại khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương thuê 01 (một) xe ô tô hiệu Toyota Vios biển số 61A-211.90 với giá thuê mỗi ngày 700.000 đồng (không lập hợp đồng thuê xe). Sau khi thuê được xe, N đem đến tiệm cầm đồ B thuộc phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương gặp ông Trần Danh B cầm cố xe cho anh B lấy số tiền 100.000.000 đồng.

Đến ngày 30 tháng 7 năm 2020, ông Ch yêu cầu N đem xe về để trình diện nên N đã trả lại tiền vay cho anh B, lấy xe lại giao cho ông Ch. Cùng ngày 30 tháng 7 năm 2020, N tiếp tục thuê xe ô tô trên của ông Ch. Lúc này, giữa Ch và N bắt đầu ký hợp đồng thuê xe với thời hạn thuê từ ngày 30 tháng 7 năm 2020 đến ngày 15 tháng 10 năm 2020. Khi thuê được xe của Ch, ngày 07 tháng 8 năm 2020, N tiếp tục đem xe ô tô Toyota Vios biển số 61A-211.90 đến tiệm cầm đồ B gặp ông Trần Danh B cầm cố xe ô tô cho anh B lấy số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 15 tháng 10 năm 2020 không thấy N mang xe về trả, anh Ch điện thoại cho N nhưng không liên lạc được. Thông qua định vị, ông Ch phát hiện xe ô tô 61A-211.90 được để tại tiệm cầm đồ B của ông Bình nên ngày 17 tháng 10 năm 2020 ông Ch đến Công an phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương trình báo. Công an phường D tiếp nhận hồ sơ và tiến hành thu hồi xe 61A-211.90 từ ông Trần Danh B, sau đó chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục xác minh theo thẩm quyền.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 197/KLĐG-HĐĐGTS ngày 10 tháng 11 năm 2020, Hội đồng định giá thành phố D kết luận 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios biển số 61A-211.90 có trị giá 370.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 19 tháng 6 năm 2020, N đến nhà ông Chu Thế Q tại khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương thuê xe ô tô Toyota Vios biển số 68A-092.20 của ông Q với giá thuê mỗi ngày 800.000 đồng. Sau khi thuê được xe của ông Q, cùng ngày N đem xe ô tô trên đến gặp ông Nguyễn Trường Ph tại phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương và thỏa thuận bán xe ô tô trên cho ông Ph với giá 250.000.000 đồng. Cả hai lập Hợp đồng đặt cọc mua bán xe và ông Ph giao trước cho N số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi N nhận tiền và giao xe cho ông Ph thì N hẹn ngày 20 tháng 9 năm 2020 hai bên công chứng sang tên. Để ông Ph tin tưởng, N nói với ông Ph xe ô tô 68A-092.20 là của N là chủ sở hữu nhưng nhờ người quen là ông Chu Thế Q đứng tên dùm, đồng thời cam kết đến ngày công chứng ông Q sẽ có mặt để thực hiện công chứng Hợp đồng chuyển nhượng sang tên cho ông Ph. Tuy nhiên, đến ngày 20 tháng 9 năm 2020 ông Ph liên lạc với N không được, do biết bị N lừa nên ông Ph đã trình báo sự việc đến Công an phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Đối với ông Chu Thế Q, sau khi thuê xe của Q vào ngày 19 tháng 6 năm 2020, theo thỏa thuận thì ngày 22 tháng 6 năm 2020 N phải mang xe về trả lại cho ông Q vì hết hạn hợp đồng thuê. Tuy nhiên, do xe đã được N bán cho ông Ph nên để che dấu hành vi của mình, N viện nhiều lý do khác nhau để tiếp tục xin gia hạn Hợp đồng thuê xe và trả tiền thuê xe cho ông Q. Do đó, từ ngày 07 tháng 7 năm 2020 đến ngày 01 tháng 10 năm 2020, giữa N và ông Q đã 05 lần lập lại Hợp đồng thuê xe tự lái để nhằm mục đích gia hạn thời hạn thuê xe (Hợp đồng thuê xe lập ngày 07 tháng 7 năm 2020 thuê xe đến 05 tháng 8 năm 2020; Hợp đồng thuê xe lập ngày 18 tháng 8 năm 2020 thuê xe đến ngày 27 tháng 8 năm 2020; Hợp đồng thuê xe lập ngày 01 tháng 9 năm 2020 thuê xe đến ngày 10 tháng 9 năm 2020; Hợp đồng thuê xe lập ngày 15 tháng 9 năm 2020 thuê xe đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 và Hợp đồng thuê xe lập ngày 01 tháng 10 năm 2020 thuê xe đến ngày 20 tháng 10 năm 2020). Đến hết ngày 20 tháng 10 năm 2020, ông Q liên hệ N để thanh toán tiền thuê xe và kết thúc hợp đồng, lấy lại xe ô tô nhưng không liên lạc được với N. Lúc này, do thấy quá trình thuê xe ô tô của mình N chưa lần nào đưa xe về trình diện để gia hạn hợp đồng nên Q nghi ngờ N đã chiếm đoạt tài sản của mình, do đó ông Q trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã tiến hành xác minh và thu giữ xe ô tô trên từ bà Đỗ Thị C là mẹ của ông Nguyễn Trường Ph.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 204/KLĐG-HĐĐGTS ngày 19 tháng 11 năm 2020, Hội đồng định giá thành phố D kết luận 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios biển số 68A-092.20 có trị giá 320.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Ngày 25 tháng 7 năm 2020, Lê Doãn N đến nhà ông Đỗ Thanh H tại khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương thuê xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, biển số 85A-030.57 của ông H với giá thuê mỗi ngày là 700.000 đồng

với thời gian thuê từ 25 tháng 7 năm 2020 đến 25 tháng 9 năm 2020. Cả hai tiến hành lập hợp đồng thuê để xác nhận thỏa thuận trên.

Sau khi thuê được xe của ông H, ngày 31 tháng 8 năm 2020 N mang xe ô tô trên đến nhà ông Nguyễn Văn T đề nghị cầm cố xe cho ông T vay số tiền 200.000.000 đồng và được ông T đồng ý nhận cầm cố cho vay số tiền trên. Để ông H tin tưởng cho vay, N nói với ông H xe ô tô trên là của N làm chủ sở hữu và nhờ ông Đỗ Thanh H đứng tên. Do biết N có cửa hàng kinh doanh lắp đặt nội thất xe hơi nên T tin tưởng.

Sau khi cầm cố xe ô tô trên cho ông T để vay số tiền 200.000.000 đồng, do không có khả năng trả tiền nên N đã bỏ trốn. Đến ngày 25 tháng 9 năm 2020 không thấy N trả xe nên ông H đến Công an phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương để tố giác N. Công an phường D tiến hành chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D để tiếp tục xác minh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tiến hành xác minh và thu giữ xe ô tô trên từ bà Nguyễn Thị H1 là vợ của ông Nguyễn Văn T.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 197/KLĐG-HĐĐGTS ngày 10 tháng 11 năm 2020, Hội đồng định giá thành phố D kết luận 01 xe ô tô hiệu Kia Cerato biển số 85A-030.57 có trị giá 480.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra gồm: 01 (một) xe ô tô hiệu Kia Cerato biển số 85A-030.57, 01 (một) xe ô tô hiệu Toyota Vios biển số 68A-092.20, 01 (một) xe ô tô hiệu Toyota Vios biển số 61A-211.90 đã thu hồi trả cho các bị hại.

Đối với ông Nguyễn Trường Ph, Trần Danh B, Nguyễn Văn T cầm xe, mua xe của N nhưng không biết N phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không đề nghị xử lý là có cơ sở

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKS-P2 ngày 19 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố Lê Doãn N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội với nội dung: giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo về tội danh như cáo trạng, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, biết ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho các bị hại, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Doãn N 10 (mười) đến 12 (mười hai) năm tù. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã giao tiền cho bị cáo khi cầm xe cho bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: thống nhất nội dung cáo trạng truy tố bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, biết ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho các bị hại, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại và một phần thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Các bị hại thống nhất lời khai của bị cáo và xin giảm hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án yêu cầu bị cáo trả lại đủ số tiền bị cáo đã nhận của họ khi cầm xe, ông Lê Doãn C đã bồi thường thay cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo trả lại tiền ông đã bồi thường thay.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa: những người này đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án và được công bố tại phiên tòa, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp tài liệu chứng cứ thu giữ được trong vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: từ ngày 19 tháng 6 năm 2020 đến 30 tháng 7 năm 2020, Lê Doãn N đã đưa ra thông tin gian dối để thực hiện hành vi thuê xe ô tô biển số 61A-211.90 của ông Bùi Văn Ch, xe ô tô biển số 68A-090.20 của ông Chu Thế Q và xe ô tô biển số 85A-030.57 của ông Đỗ Thanh H, sau đó đưa đi bán, cầm cố cho ông Nguyễn Trường Ph, ông Trần Danh B và ông Nguyễn Văn T để lấy tiền tiêu xài dẫn đến không có khả năng chi trả, không lấy xe về trả lại cho các bị hại Ch, Quyền, Hải và để mặc cho hậu quả xảy ra. Tổng số tiền bị cáo N lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại với tổng giá trị 03 xe ô tô trên là 1.170.000.000 đồng (một tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng).

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của các bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi đưa ra thông tin gian dối cho các bị hại, làm cho các bị hại tin tưởng để giao tài sản cho bị cáo, sau đó bị cáo đưa đi bán, cầm cố cho những người khác nhằm chiếm đoạt tài sản của họ, hành vi đó của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Bị cáo có đủ năng lực nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên phải chịu trách nhiệm về hành vi mà mình đã thực hiện. Như vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo hai lần trở lên, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, biết ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho các bị hại, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại và một phần thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; đồng thời các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị mức hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

[8] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo trình bày nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt cho bị cáo với mức khoan hồng để để cáo sớm hòa nhận cộng đồng để có điều kiện nuôi dạy con và lo cho cha mẹ già là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo chiếm đoạt xe ô tô biển số 61A-211.90 của ông Bùi Văn Ch, xe ô tô biển số 68A-090.20 của ông Chu Thế Q và xe ô tô biển số 85A-030.57 của ông Đỗ Thanh H, hiện các xe ô tô trên đã được thu hồi trả lại cho các bị hại, gia đình bị cáo cũng đã đã bồi thường các khoản tiền liên quan đền việc thuê xe và các bị hại không yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền bị cáo cầm xe cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hiên nay bị cáo chưa trả cho họ, họ có yêu cầu nên buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại tiền cho những người đã cầm xe của bị cáo gồm: ông Nguyễn

Văn T 200.000.000 đồng; ông Trần Danh B 200.000.000 đồng; ông Nguyễn Trường Ph 200.000.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 72.500.000 đồng do gia đình bị cáo nộp để đảm bảo thi hành án.

[10] Ông Lê Doãn C là cha của bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo trả lại tiền ông đã bồi thường thay, đây sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Doãn N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lê Doãn N 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 3 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: ông Nguyễn Văn T 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng; ông Trần Danh B 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng; ông Nguyễn Trường Ph 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 72.500.000 (bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng do gia đình bị cáo nộp để đảm bảo thi hành án (theo các Ủy nhiệm chi ngày 21 tháng 02 năm 2024 và ngày 24 thàng 4 năm 2024).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

3. Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Lê Doãn N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.